

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liềng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 974/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị N, sinh năm 1987; thường trú: Xóm 7, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 19A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Phan Bá S, sinh năm 1987; thường trú: Xóm 7, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Tổ 19A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3/ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; thường trú: Xóm 7, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị N và anh Phan Bá S tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyển số 01/2009 ngày 27/9/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Phan Bá S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Bá L, sinh ngày 05/6/2012 và Phan Ngọc L, sinh ngày 13/9/2013. Sau khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị N làm công nhân tại Công ty TNHH C, thu nhập 01 tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Phan Bá S:

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Phan Bá S, chị Tô Thị N là con dâu của bà. Giữa anh S và chị N xảy ra mâu thuẫn từ lâu, cụ thể thế nào bà không biết. Cháu Phan Bá L được anh S, chị N gửi cho bà chăm sóc từ khi cháu 3 tuổi. Việc chị N yêu cầu ly hôn, bà không có ý kiến gì, bà đề nghị Tòa án giao cháu Long cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng

cứ và hòa giải vào ngày 10/7/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị N và anh Phan Bá S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyền số 01/2009 ngày 27/9/2011 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Tô Thị N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường T nhưng Hội liên hiệp phụ nữ không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh S đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S không đến, đồng thời chị N có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Tô Thị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Bá L, sinh ngày 05/6/2012 và Phan Ngọc L, sinh ngày 13/9/2013. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2020 cháu Phan Bá Long có nguyện vọng được sống cùng mẹ và em gái vì hiện nay cháu đã chuyển đến sinh sống cùng mẹ. Quá trình tố tụng, anh Phan Bá S không có ý kiến gì về việc chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án tiếp tục giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị N nên Tòa án ghi nhận.

[2.4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tô Thị N về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Phan Bá S.

1.1 Về hôn nhân: Chị Tô Thị N được ly hôn với anh Phan Bá S (Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2011, quyền số 01/2009 ngày 27/9/2011 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp).

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Phan Bá L, sinh ngày 05/6/2012 và Phan Ngọc L, sinh ngày 13/9/2013 cho chị Tô Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Tô Thị N và anh Phan Bá S đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tô Thị N không yêu cầu anh Phan Bá S cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029354 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- CCTHA DS thành phố D (01);
- Đương sự (03);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễu

